

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST
Ngày: 06-5-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tảo;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 và ông Mang Văn N, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: Tổ 14, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Mang Văn N: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ 14, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2020).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; cùng cư trú tại: Tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà N, ông N, ông L, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Mang Văn N cho vợ chồng ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T vay tiền 02 lần, cụ thể:

- Ngày 26/8/2019 (âm lịch), ông L, bà T vay số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, có lập thành văn bản là “Giấy mượn tiền”; thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng, trả lãi ngày 26 (âm lịch) hàng tháng, kỳ hạn trả nợ ngày 26/01/2020 (âm lịch).

- Ngày 28/11/2019 (âm lịch), ông L, bà T vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, có lập thành văn bản là “Giấy mượn tiền”; thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/tháng, trả lãi ngày 28 (âm lịch) hàng tháng, kỳ hạn trả nợ ngày 28/01/2020 (âm lịch).

Tổng cộng 02 lần, ông L và bà T vay số tiền 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Mục đích ông L, bà T vay tiền để cho người khác vay. Các bên thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất vay, kỳ hạn vay, thời gian trả lãi và nợ gốc, không ghi trên 02 giấy nợ. Chữ viết, chữ ký trên 02 “Giấy mượn tiền” ghi ngày 26/8/2019 (âm lịch) và ngày 28/11/2019 (âm lịch) do ông L, bà T viết và ký tên.

Đến kỳ hạn trả nợ, ông L, bà T không trả nợ gốc, có trả lãi nhưng không đúng kỳ hạn, không đủ số tiền lãi hàng tháng. Bà không xác định thời gian, số tiền lãi đã nhận là bao nhiêu, việc trả lãi không được lập thành văn bản. Nay bà yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà và ông Mang Văn N số tiền nợ vay gốc 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông L, bà T vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thông báo thụ lý vụ án và gửi thông báo cho Viện kiểm sát, các đương sự theo đúng quy định tại Điều 195 và 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tổng đạt giấy mời, giấy triệu tập,

thông báo về phiên họp, hòa giải cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 171, 173, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu các đương sự giao nộp chứng cứ, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 94, 95, 96, 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N, ông L, bà T là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ việc cung cấp chứng cứ của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, qua phần hỏi tại phiên tòa xét thấy yêu cầu của ông N, bà N là có căn cứ chấp nhận. Tại giấy mượn tiền ngày 24/9/2019, bà N, ông N cho ông L, bà T vay số tiền 60.000.000 đồng và ngày 23/12/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng. Ông L, bà T tự viết 02 giấy mượn tiền trên. Các bên thỏa thuận lãi suất vay 5%/tháng, thời gian vay 02 tháng. Tuy nhiên đến nay ông L, bà T không trả nợ gốc và không còn cư trú tại địa phương. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N; buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T trả số tiền 110.000.000 đồng; ghi nhận bà N, ông N không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N khởi kiện ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T, cùng cư trú tại tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông N, ông L, bà T.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản nhưng ông L, bà T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho bà N, ông N biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về địa chỉ nơi cư trú của ông L, bà T xác định ông L, bà T vắng mặt nơi cư trú tại tổ 13, ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh khoảng 01 (một) năm, không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng cho ông L, bà T. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L, bà T vắng mặt không có lý do; ông L, bà T có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh nhưng không đưa ra được chứng cứ. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự. Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm: 01 (một) “Giấy mượn tiền” ghi ngày 26/8/2019 (âm lịch), nội dung thể hiện bên cho vay bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N, bên vay ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T, số tiền vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, tại vị trí “người mượn” có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T”, “Đỗ Văn L” và 01 (một) “Giấy mượn tiền” ghi ngày 28/11/2019 (âm lịch), nội dung thể hiện bên cho vay bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N; bên vay ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T; số tiền vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tại vị trí “người mượn” có chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị T” và “Đỗ Văn L”.

Nội dung 02 giấy nợ trên không thể hiện lãi suất vay, kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay 5%/tháng, khoản vay 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng kỳ

hạn trả nợ ngày 26/01/2020 (âm lịch), khoản vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng kỳ hạn trả nợ ngày 28/01/2020 (âm lịch). Lời trình bày của bà N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ bà N cung cấp, giao nộp cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa bà N, ông N và ông L, bà T là hợp đồng vay tài sản có lãi, có kỳ hạn.

Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về kỳ hạn trả nợ, địa điểm trả nợ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ 02 “Giấy mượn tiền” ghi ngày 26/8/2019 (âm lịch) và ngày 28/11/2019 (âm lịch) do bà Nguyễn Thị N cung cấp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N; buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N số tiền vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng; ghi nhận bà N, ông N không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N đối với ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N số tiền vay 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông L, bà T còn phải trả cho bà N, ông N tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004790 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, ông Mang Văn N, ông Đỗ Văn L, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Hải